TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 321/2019/QĐST-HNGĐ	*Thủ Đức, ngày 28 tháng 3 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các Điều 212; Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55; 57; 81; 82; 83; 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 357; Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (Được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 188/2019/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1./ Ông Nguyễn Thành T - sinh năm: 1982

Thường trú: 21/20 Đường M, khu phố N, phường P, quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh.

2./ Bà Trần Thị Ngọc H - sinh năm: 1989

Thường trú: 21/20 Đường M, khu phố N, phường P, quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 20/3/2019.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thành T và bà Trần Thị Ngọc H thuận tình ly hôn.

Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Trần Diệu A - sinh ngày 04/7/2010 cho bà Trần Thị Ngọc H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, Ông Nguyễn Thành T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đ (Hai triệu đồng), việc giao nhận tiền cấp dưỡng vào ngày cuối cùng của mỗi tháng. Thực hiện kể từ tháng 4/2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi tròn.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Lệ phí dân sự sơ thẩm: 300.000 đ (Ba trăm ngàn đồng), ông Nguyễn Thành T và bà Trần Thị Ngọc H phải chịu.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 20 tháng 3 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thành T và bà Trần Thị Ngọc H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Trần Diệu A - sinh ngày 04/7/2010 cho bà Trần Thị Ngọc H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Thành T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đ (Hai triệu đồng), việc giao nhận tiền cấp dưỡng vào ngày cuối cùng của mỗi tháng, thực hiện kể từ tháng 4/2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi tròn.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và khi có đơn yêu cầu thi hành án của bà Trần Thị Ngọc H, nếu ông Nguyễn Thành T chậm thi hành việc cấp dưỡng nuôi con, thì hàng tháng ông T phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, vì quyền lợi mọi mặt của người con khi cần thiết, có thể thay đổi người nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: 300.000 đ (Ba trăm ngàn đồng), ông Nguyễn Thành T và bà Trần Thị Ngọc H phải chịu, nhưng được cấn trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đ (Ba trăm ngàn đồng), ông Nguyễn Thành T và bà Trần Thị Ngọc H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0023729 ngày 06/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thủ Đức. Ông Nguyễn Thành T và bà Trần Thị Ngọc H đã nộp đủ lệ phí việc dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (Được sửa đổi, bổ sung năm 2014)".

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.Thủ Đức;
- Chi cục THADS Q. Thủ Đức;
- Hai bên đương sự;
- UBND xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Phạm Thị Thu